

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3 –
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021

Tháng 8 năm 2021



MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|---|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 1 - 2 |
| BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ | 3 - 4 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ | 5 - 6 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ | 7 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ | 8 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ | 9 - 27 |

346
CH
NH P
C
CH M
K
HA

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|---------------------------|------------|
| Ông Thái Tuấn Tài | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Phú Gia | Thành viên |
| Ông Tôn Thất Hùng | Thành viên |
| Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn | Thành viên |
| Ông Nguyễn Ngọc Kế | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

| | |
|---------------------------|--|
| Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn | Tổng Giám đốc |
| Ông Tôn Thất Hùng | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Trí Trinh | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Trần Lê Minh | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Trần Quốc Điền | Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 01/5/2021) |
| Ông Nguyễn Duy Bình | Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 01/3/2021) |

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại ngày 30/6/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Văn phòng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Văn phòng Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Văn phòng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại thời điểm ngày 30/6/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,




Nguyễn Như Hoàng Tuấn
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2021

Số: 140/VACO/BCSX.HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 - Văn phòng Công ty (gọi tắt là "Văn phòng Công ty"), được lập ngày 11/8/2021, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/6/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Văn phòng Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty tại ngày 30/6/2021, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 28, Phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ về các khoản nợ tiềm tàng của Văn Phòng Công ty. Kết luận soát xét của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020 của Văn phòng Công ty đã được kiểm toán và soát xét bởi một Công ty kiểm toán khác, với báo cáo kiểm toán số 009/2021/UHYHCM-BCKTĐL ngày 03/3/2021 đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần có vấn đề cần nhấn mạnh liên quan khoản nợ tiềm tàng của Văn Phòng Công ty và báo cáo soát xét số 039/2020/UHYHCM-BCSX ngày 12/8/2020 đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Đức Tiến

Giám đốc Chi nhánh

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2018-156-1

Thay mặt và đại diện cho

**CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu kỳ |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 124.440.244.682 | 196.425.269.933 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4 | 18.332.795.109 | 63.974.360.849 |
| 1. Tiền | 111 | | 12.332.795.109 | 39.974.360.849 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 6.000.000.000 | 24.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 5 | 220.790.000 | 220.790.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | 220.790.000 | 220.790.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 87.237.266.271 | 120.516.962.856 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 6 | 83.668.151.253 | 116.409.922.004 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 1.924.372.821 | 1.627.731.862 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | 17.473.269.325 | 14.743.587.825 |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 7 | 2.944.950.175 | 2.732.471.942 |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 8 | (18.773.477.303) | (14.996.750.777) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 9 | 17.786.399.236 | 11.042.035.210 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 17.786.399.236 | 11.042.035.210 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 862.994.066 | 671.121.018 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 10 | 862.994.066 | 671.121.018 |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 135.014.967.475 | 118.545.131.975 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 73.102.682.697 | 67.218.269.625 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | 6 | 59.620.811.523 | 53.736.398.451 |
| 2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | 12.998.871.174 | 12.998.871.174 |
| 3. Phải thu dài hạn khác | 216 | 7 | 483.000.000 | 483.000.000 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 16.199.508.344 | 17.463.028.462 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 11 | 8.319.522.127 | 9.198.440.475 |
| - Nguyên giá | 222 | | 30.359.677.388 | 30.368.920.750 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (22.040.155.261) | (21.170.480.275) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 12 | 7.879.986.217 | 8.264.587.987 |
| - Nguyên giá | 228 | | 18.545.558.391 | 18.545.558.391 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (10.665.572.174) | (10.280.970.404) |
| III. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 5 | 41.650.000.000 | 29.991.916.461 |
| 1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 41.650.000.000 | 31.130.855.750 |
| 2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | (1.138.939.289) |
| IV. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 4.062.776.434 | 3.871.917.427 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 10 | 3.907.479.082 | 3.716.620.075 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 155.297.352 | 155.297.352 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 259.455.212.157 | 314.970.401.908 |

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số | |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | cuối kỳ | đầu kỳ |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 139.880.124.944 | 199.823.778.498 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 139.880.124.944 | 199.823.778.498 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 13 | 3.393.127.047 | 16.563.602.213 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 14 | 36.143.073.033 | 42.529.134.240 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 15 | 3.116.212.951 | 2.062.005.165 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 35.291.992.754 | 79.166.515.122 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | 1.842.806.119 | 4.482.801.884 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | 25.922.797.337 | 36.026.166.417 |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 16 | 8.644.524.713 | 17.171.120.350 |
| 8. Vay ngắn hạn | 320 | 17 | 24.333.267.883 | - |
| 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 1.192.323.107 | 1.822.433.107 |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 119.575.087.213 | 115.146.623.410 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 18 | 119.575.087.213 | 115.146.623.410 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 82.760.800.000 | 82.760.800.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 82.760.800.000 | 82.760.800.000 |
| 2. Cổ phiếu quỹ | 415 | | (140.000) | (140.000) |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 13.186.000.000 | 13.186.000.000 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 23.628.427.213 | 19.199.963.410 |
| - LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước | 421a | | 19.708.579.621 | 88.684.476 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 3.919.847.592 | 19.111.278.934 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 259.455.212.157 | 314.970.401.908 |



Nguyễn Như Hoàng Tuấn
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2021

Phạm Hoàng Vinh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Phương Thủy
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Kỳ này | Kỳ trước |
|--|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| | | | | |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 102.571.700.892 | 140.722.809.227 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | 601.858.473 | 417.692.017 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | 10 | 21 | 101.969.842.419 | 140.305.117.210 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 22 | 74.454.129.283 | 108.852.958.600 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) | 20 | | 27.515.713.136 | 31.452.158.610 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 24 | 306.634.973 | 3.520.105.632 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 25 | (949.505.784) | (692.661.350) |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 108.827.177 | - |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | 26 | 7.933.902.641 | 12.177.373.690 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 26 | 16.350.828.732 | 16.828.784.671 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)} | 30 | | 4.487.122.520 | 6.658.767.231 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 506.156.872 | 243.000.000 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | - | 99.439.175 |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | | 506.156.872 | 143.560.825 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 4.993.279.392 | 6.802.328.056 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 27 | 1.073.431.800 | 1.248.058.935 |
| 16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51) | 60 | | 3.919.847.592 | 5.554.269.121 |



Nguyễn Như Hoàng Tuấn
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2021

Phạm Hoàng Vinh
 Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Phương Thúy
 Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Kỳ này | Kỳ trước |
|--|-----------|-------------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 4.993.279.392 | 6.802.328.056 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | 1.254.276.756 | 1.872.611.970 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | 2.637.787.237 | (980.168.976) |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | 58.764.203 | (7.365.898) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (164.032.432) | (3.491.082.207) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 108.827.177 | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 8.888.902.333 | 4.196.322.945 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | 23.629.146.440 | 22.611.727.540 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | (6.735.120.664) | (5.268.391.562) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | (83.044.519.785) | (19.248.576.847) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | (382.732.055) | (1.871.603.702) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (82.110.019) | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (1.180.180.599) | (2.923.642.141) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | - | 4.000.000 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (630.110.000) | (1.119.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (59.536.724.349) | (3.619.163.767) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác | 21 | - | (1.282.975.525) |
| 2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | (11.000.000.000) | - |
| 3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | 480.855.750 | - |
| 4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 149.032.432 | 3.589.494.707 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (10.370.111.818) | 2.306.519.182 |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | 29.555.922.795 | 14.869.592.768 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (5.222.654.912) | (15.817.183.437) |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (13.643.800) | (9.721.171.100) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 24.319.624.083 | (10.668.761.769) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | (45.587.212.084) | (11.981.406.354) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 63.974.360.849 | 75.428.603.818 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | (54.353.656) | 7.365.898 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) | 70 | 18.332.795.109 | 63.454.563.362 |



Nguyễn Như Hoàng Tuấn
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2021

(Signature)

Phạm Hoàng Vinh
Kế toán trưởng

(Signature)

Nguyễn Trần Phương Thúy
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 3 theo Quyết định số 335/QĐ-BCN ngày 26 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301475102 đăng ký lần đầu ngày 17/11/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và Giấy Chứng nhận đăng ký thay đổi lần 10 ngày 22/4/2020.

Vốn điều lệ của Công ty là: 82.760.800.000 VND.

Tổng số nhân viên Văn phòng Công ty tại ngày 30/6/2021 là 283 người (tại ngày 31/12/2020 là 289 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Kiểm định chất lượng xây dựng; chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng. Đo đạc bản đồ và vẽ bản đồ địa chính. Lập qui hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực. Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư; lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện (thủy-nhiệt điện-nguồn và lưới điện), dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, dự án năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt) dự án đường dây tải điện và trạm biến áp. Lập tổng dự toán công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện, thí nghiệm mẫu đất, đá, cát, nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng. Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện- nhiệt điện, công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình xây dựng. Thi công khoan phụt bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng. Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình. Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế); Thiết kế công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông). Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp. Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình. Giám sát công tác lắp đặt phân điện công trình công nghiệp. Giám sát công tác phân điện và thiết bị điện công trình đường dây và trạm biến áp. Tư vấn quản lý dự án. Thiết kế hệ thống thông tin liên lạc công trình dân dụng và công nghiệp. Thăm tra thiết kế công trình. Tư vấn lập hồ sơ: đền bù giải phóng mặt bằng, di dân tái định canh, định cư các công trình nguồn, lưới điện và các công trình xây dựng khác. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. Thiết kế công trình đường bộ. Giám sát thi công xây dựng công trình đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cấp thoát nước theo tuyến. Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông cầu-đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện: công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: Khoan thăm dò, kiểm tra lấy mẫu thử để đo chỉ tiêu vật lý, địa chất;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm định chất lượng công trình. Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu, vật liệu xây dựng. Khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Gia công chế tạo, lắp đặt các thiết bị điện sinh hoạt và công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Văn phòng được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

| Tên đơn vị | Địa chỉ | Hoạt động chính |
|-------------------------------------|--|----------------------------|
| Chi nhánh miền Trung | Đường 23/10 KDC Tây Cầu Dứa, Xã Vĩnh Hiệp, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa | Tư vấn, khảo sát, thiết kế |
| Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện | 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh | Tư vấn, khảo sát, thiết kế |

2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Văn phòng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Chế độ kế toán áp dụng

Văn phòng Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính này được lập riêng cho Văn phòng của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (tại số 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 07, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh). Mặc dù Văn phòng Công ty không phải một pháp nhân độc lập thuộc đối tượng phải lập báo cáo tài chính theo luật định; tuy nhiên, theo quy định của Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 11 tháng 6 năm 2020 Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng cho Văn phòng Công ty và gọi chung là (“Báo cáo tài chính riêng / hoặc Báo cáo tài chính riêng của Văn phòng”).

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) *Đầu tư tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- b) *Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- c) *Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a và b trên đây) Văn phòng không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó Văn phòng đang ghi nhận theo giá gốc.*

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Văn phòng nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Văn phòng có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Văn phòng không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Văn phòng so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

002
NH
CH
TY
H
ÁN
O
PH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Văn phòng được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Văn phòng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Văn phòng Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác: Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | <u>Số năm khấu hao</u> |
|---------------------------------|------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 12 - 25 |
| Máy móc, thiết bị | 05 - 06 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 |

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn thì không trích khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Văn phòng.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa Văn phòng Công ty và đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Văn phòng có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Văn phòng có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Văn phòng căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

| <u>Bên liên quan</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|--|---------------------------|
| Tập đoàn Điện lực Việt Nam | Cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Đầu Tư Toàn Việt | Cổ đông lớn |
| Ông Trần Quốc Điền | Cổ đông lớn |
| Các Công ty con và Công ty liên kết do Tập đoàn Điện lực Việt Nam đầu tư và chi phối | Cùng tập đoàn |
| Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc | Quản lý chủ chốt |

Báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty được lập và công bố cùng với Báo cáo tài chính Tổng hợp của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3, do đó Văn phòng không trình bày thông tin giao dịch với Bên liên quan trong Báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu kỳ</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 361.100.492 | 3.282.830 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 11.971.694.617 | 39.971.078.019 |
| Các khoản tương đương tiền | 6.000.000.000 | 24.000.000.000 |
| <i>Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng</i> | <i>6.000.000.000</i> | <i>24.000.000.000</i> |
| Cộng | <u>18.332.795.109</u> | <u>63.974.360.849</u> |

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | | <u>Số đầu kỳ</u> | | |
|---|------------------------------|-----------------------------|-----------------|------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị hợp lý (*)</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị hợp lý (*)</u> | <u>Dự phòng</u> |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| a) Chứng khoán kinh doanh | 220.790.000 | 1.016.869.950 | - | 220.790.000 | 1.056.904.200 | - |
| Công ty Cổ phần Thủy Điện Miền Trung (i) | 220.790.000 | 1.016.869.950 | - | 220.790.000 | 1.056.904.200 | - |
| b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 41.650.000.000 | 4.315.500.000 | - | 31.130.855.750 | 3.213.000.000 | (1.138.939.289) |
| Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (ii) | 3.150.000.000 | 4.315.500.000 | - | 3.150.000.000 | 3.213.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình (iii) | 38.500.000.000 | - | - | 27.500.000.000 | - | (902.240.413) |
| Công ty TNHH Điện gió Sunpro Bến tre số 8 | - | - | - | 480.855.750 | - | (236.698.876) |
| Cộng | <u>41.870.790.000</u> | <u>5.332.369.950</u> | <u>-</u> | <u>31.351.645.750</u> | <u>4.269.904.200</u> | <u>(1.138.939.289)</u> |

- i. Khoản đầu tư vào cổ phiếu được niêm yết trên sàn HOSE với số lượng 53.379 cổ phiếu. Văn phòng Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này dựa vào giá trị thị trường giao dịch trên sàn HOSE tại ngày 30/6/2021.
- ii. Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế với số lượng cổ phiếu sở hữu là 315.000 cổ phiếu, tỷ lệ góp là 0,86% tổng vốn điều lệ. Văn phòng Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này dựa vào giá trị thị trường giao dịch trên sàn UPCOM tại ngày 30/6/2021.
- iii. Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình có vốn điều lệ là 240.000.000.000 VND và tăng theo từng đợt thi công, Văn phòng Công ty sẽ góp 10% tổng vốn điều lệ. Đến ngày 30/6/2021, Văn phòng Công ty đã góp 38.500.000.000 VND, chiếm 7,88% trên tổng số vốn các bên đã góp là 488.500.000.000 VND. Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình có lãi nên Văn phòng Công ty không trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này.
- (*) Ngoài các khoản đầu tư có giá niêm yết trên thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý được xác định theo giá thị trường, đối với các khoản đầu tư còn lại, Văn phòng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu kỳ</u> |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | 83.668.151.253 | 116.409.922.004 |
| Ban QLDA các công trình điện miền Nam | 20.302.669.023 | 24.823.707.819 |
| Ban QLDA Thủy Điện Sông Bung 2 | 15.507.040.841 | 15.239.712.459 |
| Ban QLDA Điện Lực Miền Nam - PC 2 | 3.832.195.377 | 11.612.788.762 |
| Các khách hàng khác | 44.026.246.012 | 64.733.712.964 |
| b) Dài hạn | 59.620.811.523 | 53.736.398.451 |
| Ban QLDA các công trình điện miền Nam | 14.003.911.797 | 9.437.755.393 |
| Ban QLDA các công trình điện miền Trung | 8.746.865.388 | 8.619.657.416 |
| Ban QLDA Điện Lực Miền Nam - PC 2 | 8.287.526.281 | 4.624.999.470 |
| Công ty Cổ phần Điện KCN Vĩnh Lộc | 4.546.834.821 | 11.364.933.050 |
| Các khách hàng khác | 24.035.673.236 | 19.689.053.122 |
| Cộng | 143.288.962.776 | 170.146.320.455 |

7. PHẢI THU KHÁC

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu kỳ</u> |
|-----------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | 2.944.950.175 | 2.732.471.942 |
| Tạm ứng cho nhân viên | 2.742.020.826 | 2.279.060.213 |
| Khác | 202.929.349 | 453.411.729 |
| b) Dài hạn | 483.000.000 | 483.000.000 |
| Ký quỹ, ký cược | 483.000.000 | 483.000.000 |
| Cộng | 3.427.950.175 | 3.215.471.942 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Đơn vị: VND

| | Số cuối kỳ | | | Số đầu kỳ | | |
|--|-----------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|----------------------|-------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị | | Giá gốc | Giá trị | |
| | | có thể thu hồi | Dự phòng | | có thể thu hồi | Dự phòng |
| Công ty CP Thủy điện Thiên Tân | 5.100.415.846 | - | (5.100.415.846) | 5.100.415.846 | - | (5.100.415.846) |
| Ban QLDA Thủy điện sông Bung 2 | 12.610.988.195 | 8.827.691.736 | (3.783.296.459) | - | - | - |
| Ban QLDA nhiệt điện 2 | 2.418.828.407 | - | (2.418.828.407) | 2.418.828.407 | - | (2.418.828.407) |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Anpha | 1.391.554.962 | 531.884.348 | (859.670.614) | 1.391.554.962 | 531.884.348 | (859.670.614) |
| Ban QLDA Điện lực miền Nam | 1.152.926.646 | 404.459.205 | (748.467.441) | 3.795.953.665 | 2.412.464.080 | (1.383.489.585) |
| Các khách hàng khác | 7.259.394.911 | 1.396.596.375 | (5.862.798.536) | 6.869.490.405 | 1.635.144.080 | (5.234.346.325) |
| Cộng | 29.934.108.967 | 11.160.631.664 | (18.773.477.303) | 19.576.243.285 | 4.579.492.508 | (14.996.750.777) |

9. HÀNG TỒN KHO

| | Số cuối kỳ | | Số đầu kỳ | |
|-----------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 182.315.578 | - | 132.629.035 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 3.883.272 | - | 4.027.268 | - |
| Chi phí SXKD dở dang | 17.600.200.386 | - | 10.905.378.907 | - |
| Cộng | 17.786.399.236 | - | 11.042.035.210 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | Số cuối kỳ | Số đầu kỳ |
|---------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | 862.994.066 | 671.121.018 |
| Công cụ dụng cụ xuất dùng | 71.436.439 | 153.163.986 |
| Chi phí phần mềm | 721.821.601 | 517.957.032 |
| Các khoản khác | 69.736.026 | - |
| | 3.907.479.082 | 3.716.620.075 |
| b) Dài hạn | | |
| Công cụ dụng cụ xuất dùng | 2.320.409.990 | 2.265.001.214 |
| Chi phí phần mềm | 1.587.069.092 | 1.451.618.861 |
| Cộng | 4.770.473.148 | 4.387.741.093 |

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị dụng cụ quản lý | Tổng cộng |
|------------------------------------|---------------------------|--------------------|------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| Số đầu kỳ | 10.831.097.465 | 897.516.818 | 12.430.212.993 | 6.210.093.474 | 30.368.920.750 |
| - Giảm do chuyển sang hàng tồn kho | - | - | - | (9.243.362) | (9.243.362) |
| Số cuối kỳ | 10.831.097.465 | 897.516.818 | 12.430.212.993 | 6.200.850.112 | 30.359.677.388 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | |
| Số đầu kỳ | 6.799.200.117 | 794.686.809 | 8.932.289.509 | 4.644.303.840 | 21.170.480.275 |
| - Khấu hao trong kỳ | 289.381.050 | 14.032.092 | 322.448.478 | 243.813.366 | 869.674.986 |
| Số cuối kỳ | 7.088.581.167 | 808.718.901 | 9.254.737.987 | 4.888.117.206 | 22.040.155.261 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Số đầu kỳ | 4.031.897.348 | 102.830.009 | 3.497.923.484 | 1.565.789.634 | 9.198.440.475 |
| Số cuối kỳ | 3.742.516.298 | 88.797.917 | 3.175.475.006 | 1.312.732.906 | 8.319.522.127 |

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 8.611.013.968 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 8.611.013.968 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | <u>Quyền sử dụng đất</u> | <u>Phần mềm máy tính</u> | <u>Tổng cộng</u> |
|-------------------------------|--------------------------|--------------------------|-----------------------|
| | VND | VND | VND |
| NGUYÊN GIÁ | | | |
| Số đầu kỳ | <u>8.960.793.480</u> | <u>9.584.764.911</u> | <u>18.545.558.391</u> |
| Số cuối kỳ | <u>8.960.793.480</u> | <u>9.584.764.911</u> | <u>18.545.558.391</u> |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | |
| Số đầu kỳ | <u>1.843.747.077</u> | <u>8.437.223.327</u> | <u>10.280.970.404</u> |
| - Khấu hao trong kỳ | 99.085.740 | 285.516.030 | 384.601.770 |
| Số cuối kỳ | <u>1.942.832.817</u> | <u>8.722.739.357</u> | <u>10.665.572.174</u> |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | |
| Số đầu kỳ | <u>7.117.046.403</u> | <u>1.147.541.584</u> | <u>8.264.587.987</u> |
| Số cuối kỳ | <u>7.017.960.663</u> | <u>862.025.554</u> | <u>7.879.986.217</u> |

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 5.845.189.344 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 5.845.189.344 VND).

Văn phòng Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất tại Quận 2 - Thửa đất số 143 với giá trị còn lại tại ngày 30/6/2021 là 2.756.809.425 VND nhằm đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 17).

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu kỳ</u> | |
|---|-----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | <u>Số có khả năng</u> | | <u>Số có khả năng</u> | |
| | <u>Giá trị</u> | <u>trả nợ</u> | <u>Giá trị</u> | <u>trả nợ</u> |
| | VND | VND | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cholimex | 808.175.773 | 808.175.773 | 884.198.893 | 884.198.893 |
| Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Sài Gòn | 121.079.110 | 121.079.110 | 9.106.510.206 | 9.106.510.206 |
| Công ty TNHH Đầu Tư SX-TM-DV Nam Lập Phát | 758.238.904 | 758.238.904 | 425.542.559 | 425.542.559 |
| Khác | 1.705.633.260 | 1.705.633.260 | 6.147.350.555 | 6.147.350.555 |
| Cộng | <u>3.393.127.047</u> | <u>3.393.127.047</u> | <u>16.563.602.213</u> | <u>16.563.602.213</u> |

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu kỳ</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Ban QLDA các công trình điện miền Nam | 3.578.570.008 | 8.589.985.004 |
| Ban QLDA các công trình điện miền Trung | 6.849.145.445 | 6.586.417.417 |
| Ban QLDA Điện Lực Miền Nam | 7.006.671.972 | 6.698.941.582 |
| Khác | 18.708.685.608 | 20.653.790.237 |
| Cộng | <u>36.143.073.033</u> | <u>42.529.134.240</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | <u>Số đầu kỳ</u> | <u>Số phải nộp trong kỳ</u> | <u>Số đã nộp trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|----------------------------|-----------------------------|---------------------------------|--------------------------------|-----------------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 844.450.626 | 3.981.189.685 | (2.655.857.715) | 2.169.782.596 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 954.208.510 | 1.073.431.800 | (1.180.180.599) | 847.459.711 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 164.269.634 | 8.924.254.558 | (8.989.553.548) | 98.970.644 |
| Các loại thuế, phí khác | 99.076.395 | 200.943.209 | (300.019.604) | - |
| Cộng | <u>2.062.005.165</u> | <u>14.179.819.252</u> | <u>(13.125.611.466)</u> | <u>3.116.212.951</u> |

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu kỳ</u> |
|-------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| Kinh phí công đoàn | 677.009.800 | 370.150.980 |
| Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp | 577.188.449 | 97.533.749 |
| Phải trả cổ tức cho cổ đông | 811.095.475 | 824.739.275 |
| Phải trả về khoản tạm thu thuế TNCN | 6.230.804.074 | 8.911.942.376 |
| Chi phí công trình phải trả | - | 6.406.157.851 |
| Khác | 348.426.915 | 560.596.119 |
| Cộng | <u>8.644.524.713</u> | <u>17.171.120.350</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

17. VAY NGẮN HẠN

| | Số đầu kỳ | | Phát sinh trong kỳ | | Số cuối kỳ | |
|---|----------------|--------|-----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Số có khả năng | | Tăng | Giảm | Số có khả năng | |
| | Giá trị | trả nợ | | | Giá trị | trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - CN Hồ Chí Minh (i) | - | - | 3.270.000.000 | - | 3.270.000.000 | 3.270.000.000 |
| Ngân Hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Gia Định (ii) | - | - | 5.073.757.815 | - | 5.073.757.815 | 5.073.757.815 |
| Cán bộ công nhân viên (iii) | - | - | 21.212.164.980 | (5.222.654.912) | 15.989.510.068 | 15.989.510.068 |
| Cộng | - | - | 29.555.922.795 | (5.222.654.912) | 24.333.267.883 | 24.333.267.883 |

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng vay số 02/2020/95234/HDTD ngày 23/9/2020 với hạn mức vay là 95 tỷ VND nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 23/9/2020 đến ngày 23/9/2021. Khoản vay hiện tại là 3.270.000.000 VND với thời gian vay từ ngày 07/4/2021 đến ngày 07/9/2021, lãi suất vay là 6%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi vay trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất tại Quận 2 - Thửa đất số 143 với giá trị còn lại tại ngày 30/6/2021 là 2.756.809.425 VND.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam theo hợp đồng vay số PDL201912374929/HĐCTD ngày 13/02/2019 với hạn mức vay là 10 tỷ VND nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 17/3/2021 đến ngày 17/3/2022. Khoản vay hiện tại là 5.073.757.815 VND với thời gian vay từ ngày 09/4/2021 đến ngày 09/10/2021, lãi suất vay là 6,2%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (iii) Đây là khoản vay lại cán bộ công nhân viên từ khoản tiền lương đã được duyệt chi. Văn phòng Công ty và các phòng ban đã ký các biên bản thỏa thuận về việc sẽ cho Văn phòng Công ty vay tín chấp số tiền lương chưa chi trả với lãi suất 0%/năm, thời hạn vay đến 30/3/2022.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

| | Đơn vị: VND | | | | |
|--|------------------------------|------------------|--------------------------|-----------------------------|------------------------|
| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận chưa phân phối | Tổng cộng |
| Số dư đầu năm trước | 82.760.800.000 | (140.000) | 7.827.000.000 | 16.222.241.762 | 106.809.901.762 |
| - Lãi trong năm - Văn phòng | - | - | - | 18.647.736.423 | 18.647.736.423 |
| - Chuyển lợi nhuận từ Xí Nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện về Văn phòng Công ty | - | - | - | 1.642.721.914 | 1.642.721.914 |
| - Chuyển lợi nhuận từ Chi nhánh Miền Trung về Văn phòng Công ty | - | - | - | 463.542.511 | 463.542.511 |
| - Chia lợi nhuận | - | - | - | (9.931.279.200) | (9.931.279.200) |
| - Trích Quỹ Đầu tư phát triển | - | - | 5.359.000.000 | (5.359.000.000) | - |
| - Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - | (2.486.000.000) | (2.486.000.000) |
| Số dư đầu kỳ này | 82.760.800.000 | (140.000) | 13.186.000.000 | 19.199.963.410 | 115.146.623.410 |
| - Lãi trong kỳ - Văn phòng Công ty | - | - | - | 3.919.847.592 | 3.919.847.592 |
| - Chuyển lợi nhuận từ Xí Nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện về Văn phòng Công ty | - | - | - | 508.616.211 | 508.616.211 |
| Số dư cuối kỳ này | 82.760.800.000 | (140.000) | 13.186.000.000 | 23.628.427.213 | 119.575.087.213 |

| Cổ phiếu | Số cuối kỳ | Số đầu kỳ |
|---|-------------------|------------------|
| | Cổ phiếu | Cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 8.276.080 | 8.276.080 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 8.276.080 | 8.276.080 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 8.276.080 | 8.276.080 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) | 14 | 14 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 14 | 14 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 8.276.066 | 8.276.066 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 8.276.066 | 8.276.066 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND) | 10.000 | 10.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

| | Số cuối kỳ | | Số đầu kỳ (Trình bày lại) | |
|---|-----------------------|----------------|---------------------------|----------------|
| | VND | Tỷ lệ | VND | Tỷ lệ |
| Tập đoàn Điện lực Việt Nam | 40.371.340.000 | 48,78% | 40.371.340.000 | 48,78% |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt | 6.362.490.000 | 7,69% | 6.362.490.000 | 7,69% |
| Ông Trần Quốc Điền | 4.212.000.000 | 5,09% | 4.331.770.000 | 5,23% |
| Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải | 3.966.570.000 | 4,79% | 3.966.570.000 | 4,79% |
| Cổ đông khác | 27.848.260.000 | 33,65% | 27.728.490.000 | 33,50% |
| Cổ phiếu quỹ | 140.000 | 0,00% | 140.000 | 0,00% |
| Tổng cộng | 82.760.800.000 | 100,00% | 82.760.800.000 | 100,00% |

Trong kỳ, Văn phòng Công ty đã thực hiện thanh toán cổ tức các năm trước cho cổ đông với giá trị là 13.643.800 VND.

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| | Số cuối kỳ | Số đầu kỳ |
|-------------------------------|------------|--------------|
| Đô la Mỹ (USD) | 390.274,11 | 1.324.160,81 |
| Đồng tiền chung Châu Âu (EUR) | 2.730,74 | 3.410,74 |

20. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh tư vấn khảo sát thiết kế chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Văn phòng, trong khi các doanh thu khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu toàn Văn phòng Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là tư vấn khảo sát thiết kế trong một khu vực địa lý, vì vậy không trình bày thêm thông tin bộ phận.

21. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu khảo sát, tư vấn, thiết kế | 102.571.700.892 | 140.722.809.227 |
| Cộng | 102.571.700.892 | 140.722.809.227 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 601.858.473 | 417.692.017 |
| Giảm giá dịch vụ | 601.858.473 | 417.692.017 |
| Doanh thu thuần | 101.969.842.419 | 140.305.117.210 |

22. GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|--|-----------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn dịch vụ khảo sát, tư vấn, thiết kế | 74.454.129.283 | 108.852.958.600 |
| Cộng | 74.454.129.283 | 108.852.958.600 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 764.518.478 | 2.690.851.644 |
| Chi phí nhân công | 41.290.812.990 | 53.022.588.735 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.254.276.756 | 1.872.611.970 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 39.884.760.298 | 63.505.310.203 |
| Chi phí khác bằng tiền | 18.457.785.311 | 22.005.443.007 |
| Cộng | 101.652.153.833 | 143.096.805.559 |

24. DOANH THU TÀI CHÍNH

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|-----------------------------|--------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi | 164.032.432 | 1.046.082.207 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | - | 2.445.000.000 |
| Lãi chuyển nhượng góp vốn | 69.144.250 | - |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 73.458.291 | 29.023.425 |
| Cộng | 306.634.973 | 3.520.105.632 |

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|---|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí lãi vay | 108.827.177 | - |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư | (1.138.939.289) | (693.000.000) |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 80.606.328 | 338.650 |
| Cộng | (949.505.784) | (692.661.350) |

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|---|-----------------------|------------------------|
| | VND | (Trình bày lại) VND |
| a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ | | |
| Chi phí nhân viên | 2.573.679.016 | 2.819.573.343 |
| Chi phí vật liệu bao bì | 87.349.264 | 104.287.148 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 5.157.666.242 | 7.757.438.922 |
| Chi phí khác | 115.208.119 | 1.496.074.277 |
| Cộng | 7.933.902.641 | 12.177.373.690 |
| b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ | | |
| Chi phí nhân viên | 2.970.730.089 | 6.819.316.424 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 420.462.302 | 509.362.907 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 1.163.230.180 | 787.755.143 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 579.663.486 | 684.149.582 |
| Thuế, phí và lệ phí | - | 3.601.584 |
| Chi phí/Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi | 3.781.528.302 | (287.168.976) |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.192.675.260 | 4.292.463.825 |
| Chi phí khác | 3.242.539.113 | 4.019.304.182 |
| Cộng | 16.350.828.732 | 16.828.784.671 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Kỳ này | Kỳ trước (Trình bày lại) |
|---|----------------------|-----------------------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế - Văn phòng | 4.993.279.392 | 6.802.328.056 |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế - Xí Nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện | 188.566.087 | 1.840.914.458 |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế - Chi nhánh miền Trung | 85.971.386 | 21.418.062 |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế | 72.000.000 | (2.424.365.898) |
| Cộng: Thù lao HDQT không chuyên trách | 72.000.000 | 28.000.000 |
| Cộng: Chênh lệch lãi tiền gửi lớn hơn lãi vay | - | - |
| Trừ: Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện kỳ này | - | (7.365.898) |
| Trừ: Lợi nhuận cổ tức được chia | - | (2.445.000.000) |
| Thu nhập chịu thuế | 5.339.816.865 | 6.240.294.678 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 1.067.963.373 | 1.248.058.935 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2016 nộp bổ sung | 5.468.427 | - |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.073.431.800 | 1.248.058.935 |

28. NỢ TIỀM TÀNG

Trong năm 2020, các Công ty bảo hiểm (bao gồm Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng Không) đã nộp hồ sơ khởi kiện tại Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu các nhà thầu tư vấn có liên quan đến sự cố tại hầm dẫn dòng công trình Thủy điện Sông Bung 2 năm 2016 (bao gồm Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3, Viện nghiên cứu Khảo sát Thiết kế Côn Minh và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2) phải liên đới bồi hoàn số tiền 6.516.225.000 VND cho các Công ty Bảo hiểm nêu trên, trong đơn khởi kiện không nêu rõ số tiền bồi hoàn của từng nhà thầu tư vấn. Công ty đã gửi đến Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bản ý kiến vào ngày 22/9/2020 nêu rõ sản phẩm thi công hiện trường của tháp van hầm dẫn dòng không phải là sản phẩm tư vấn thiết kế của Công ty, do đó Công ty không phải chịu trách nhiệm bồi hoàn. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty vẫn chưa nhận được thông báo của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về lịch hòa giải và xét xử. Theo đó, Báo cáo tài chính này chưa bao gồm những ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến kết quả vụ kiện nêu trên.

29. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

Văn phòng Công ty thuê nhà tại Số 32 Ngõ Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, TP. HCM để làm trụ sở làm việc theo Phụ lục Hợp đồng thuê nhà số 126/PLHĐ-QLKDN-KD ngày 12/4/2021 với Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà TP. HCM. Thời hạn thuê là 02 năm kể từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2022 với đơn giá thuê đã bao gồm thuế giá trị gia tăng từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021 là 457.000.000 VND/tháng (đơn giá thuê từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 sẽ được điều chỉnh), tiền thuê được trả hàng quý.

Tiền thuê được trả theo lịch như sau:

| | Số cuối kỳ | Số đầu kỳ |
|------------------------------|----------------------|-----------|
| | VND | VND |
| Trong vòng 01 năm | 5.484.000.000 | - |
| Từ năm thứ 02 đến năm thứ 05 | 2.742.000.000 | - |
| Cộng | 8.226.000.000 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ


Tiền chi thanh toán lãi vay trong kỳ không bao gồm 26.717.158 VND là số tiền dùng để thanh toán lãi vay trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

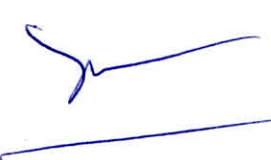
Tiền lãi dự thu trong kỳ không bao gồm 15.000.000 VND là số tiền lãi phải thu trong kỳ mà chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020 của Văn phòng Công ty đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty kiểm toán khác.




Nguyễn Như Hoàng Tuấn
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2021


Phạm Hoàng Vinh
Kế toán trưởng


Nguyễn Trần Phương Thúy
Người lập biểu

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
CÔNG TY CP
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : **26 8 7**/TVĐ3-KT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày **12** tháng 08 năm 2021

V/v giải trình kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021 so cùng kỳ năm trước.

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Căn cứ theo quy định tại điểm 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

- Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021 trên báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính đơn vị kế toán cấp trên của Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3 xin giải trình kết quả sản xuất kinh doanh sau soát xét 6 tháng đầu năm 2021 so cùng kỳ năm trước:

So sánh kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng năm 2021 đã soát xét và cùng kỳ năm 2020:

| Stt | Chỉ tiêu | 6 tháng năm 2020 | 6 tháng năm 2021 | Chênh lệch | So sánh (%) |
|-----------|--|------------------|------------------|-----------------|--------------|
| <i>a</i> | <i>b</i> | <i>c</i> | <i>d</i> | <i>e=d-c</i> | <i>f=e:c</i> |
| I | Báo cáo tài chính đơn vị kế toán cấp trên | | | | |
| 1 | Doanh thu thuần | 140.305.117.210 | 101.969.842.419 | -38.335.274.791 | -27,32% |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | 5.554.269.121 | 3.919.847.592 | -1.634.421.529 | -29,43% |
| II | Báo cáo tài chính tổng hợp | | | | |
| 1 | Doanh thu thuần | 142.224.904.683 | 102.648.105.192 | -39.576.799.491 | -32,65% |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | 7.416.601.641 | 4.194.385.065 | -3.222.216.576 | -43,45% |

Lợi nhuận sau thuế của báo cáo soát xét Báo cáo tài chính đơn vị kế toán cấp trên và Báo cáo tài chính tổng hợp 6 tháng năm 2021 giảm trên 10% so với cùng kỳ năm

trước chủ yếu là: Doanh thu thuần giảm so với cùng kỳ năm trước do ảnh hưởng của dịch Covid -19.

Trên đây là giải trình của Công ty chúng tôi về biến động kết quả kinh doanh trong báo cáo tài chính đơn vị kế toán cấp trên và báo cáo tài chính tổng hợp đã soát xét 6 tháng đầu năm 2021. /.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Như Hoàng Tuấn